

Bản án số: 113/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Long

Bà Nguyễn Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐ-ST ngày 17/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 17/02/1997 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại Nhật Bản.

Chị H ủy quyền cho anh Phạm Văn H1, sinh năm 1991; Địa chỉ: số G phố Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội giao nhận tài liệu với Tòa án (văn bản ủy quyền ngày 12/3/2024, không triệu tập).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Anh Đ, sinh ngày 13/6/1990 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 12/3/2024 (có xác nhận của Đ1 tại Nhật Bản), nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh Hoàng Anh Đ được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 03/02/2021 tại T tại F, Nhật Bản. Sau khi kết hôn, chị và anh Đ tiếp tục làm việc và sinh sống hòa thuận tại Nhật Bản. Hôn nhân hạnh phúc của anh chị kéo dài được một thời gian ngắn

thí phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân được xác định do cuộc sống gia đình gặp nhiều khó khăn. Tính cách vợ chồng không hợp nhau, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không chia sẻ được với nhau trong cuộc sống khiến không khí trong gia đình luôn căng thẳng và tình cảm vợ chồng có nhiều rạn nứt. Những mâu thuẫn trong cuộc sống và mâu thuẫn về kinh tế gia đình khiến đời sống tình cảm vợ chồng rạn nứt trầm trọng và không thể hàn gắn được nữa, tình cảm vợ chồng trở nên phai nhạt. Mục đích xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc và dân chủ không đạt được. Đời sống hôn nhân không, thể kéo dài cần phải giải thoát cho cả hai để ổn định cuộc sống mới. Đến nay, cả hai vợ chồng chị đều xác định không còn tình cảm với nhau và cùng mong muốn được Tòa án có thẩm quyền giải quyết cho ly hôn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh **Hoàng Anh Đắc**.

Về con chung: Chị và anh **Đ** có 01 con chung là cháu **Hoàng Bảo K**, sinh ngày 08/7/2021. Hiện cháu **K** đang sinh sống với anh **Đ**. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao cháu **K** cho anh **Đ** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **H** và anh Đắc tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị **H** trình bày: Do hiện tại chị không có mặt ở Việt Nam để giải quyết vụ án và tham gia tố tụng. Vì vậy chị đề nghị được vắng mặt tại trong toàn bộ quá trình tố tụng theo quy định pháp luật. Chị ủy quyền cho anh **Phạm Văn H1**, sinh năm 1991; Địa chỉ: **số G phố Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội**. Thay mặt chị nộp hồ sơ tại Tòa án có thẩm quyền và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

*Tại bản tự khai ngày 10/4/2024, bị đơn anh **Hoàng Anh Đ** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống và mâu thuẫn của vợ chồng giống như chị **Nguyễn Thị H** đã trình bày. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị **Nguyễn Thị H**.

Về con chung: Anh và chị **H** có 01 con chung là cháu **Hoàng Bảo K**, sinh ngày 08/7/2021. Hiện nay cháu **K** và anh đã về Việt Nam sinh sống một thời gian nên sau khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu **K** cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh, chị **H** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, chị **Nguyễn Thị H**, anh **Hoàng A Đắc** vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị **Nguyễn Thị H**; bản tự khai của anh **Hoàng Anh Đ** và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Anh Đ và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H hiện nay đang lao động tại Nhật Bản. Mặt khác, anh Đ là bị đơn có nơi thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Do vụ án có nguyên đơn là chị H đang ở nước ngoài, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị H, anh Hoàng Anh Đ là đương sự trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H, anh Hoàng Anh Đ.

[4]. Về việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy: Vụ án này Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang không tiến hành thu thập chứng cứ. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Anh Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 03/02/2021 tại T tại F, Nhật Bản. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh Đ phát sinh mâu thuẫn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Hoàng Anh Đ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H với anh Đ, Hội đồng xét xử thấy: Anh Đ, chị H đều xác định sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận nhưng sau một thời gian thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Đến nay anh, chị không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh, chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ, anh Đ đồng ý ly hôn với chị H, nên cả chị H và anh Đ đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị H, anh Đ không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh Đ, xử cho chị H được ly hôn anh Đ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5]. Về nuôi con chung: Chị **H**, anh **Đ** có 01 con chung là cháu **Hoàng Bảo K**, sinh ngày 08/7/2021. Sau khi ly hôn chị **H** đề nghị giao cháu **K** cho anh **Đ** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị **H**, Hội đồng xét xử thấy: Chị **H**, anh **Đ** đều thống nhất giao cháu **K** cho anh **Đ** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn. Ngoài ra, chị **H** đang lao động tại nước ngoài nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **K** được. Mặt khác, cháu **K** hiện nay do anh **Đ** vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu **K** phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đề nghị của chị **H** và ý kiến của anh **Đ**. Giao con chung cháu **Hoàng Bảo K**, sinh ngày 08/7/2021 cho anh **Đ** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật là phù hợp điều kiện thực tế và đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung.

Sau khi ly hôn chị **Nguyễn Thị H** có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị **H** thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp chị **Nguyễn Thị H** về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị **H**, anh **Đ** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Chị **H**, anh **Đ** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Chị **Nguyễn Thị H** vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh **Hoàng Anh Đ** vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hoàng Anh Đắc .

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Bảo K, sinh ngày 08/7/2021 cho anh Hoàng Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001132 ngày 03/4//2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Hoàng Anh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

